

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 16 - 12 - 2021.  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Trung Chiến.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Viết Cẩm

Bà Vũ Thị Hào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1974;

Trú tại: tổ 5, ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: đường N, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Lê Hữu L, sinh năm 1973;

Trú tại: tổ 6, ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh L có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ N trình bày:**

Chị và anh Lê Hữu L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng đến năm 2017 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã P cấp giấy

chứng nhận kết hôn số: 110/2017 ngày 17/11/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị thấy Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 05 con chung tên là Lê Ngọc L1, sinh ngày 21/6/1993, Lê Ngọc T sinh ngày 19/7/1995, Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/11/2003, Lê Ngọc T2, sinh ngày 11/3/2006 và Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 19/8/2007. Đối với cháu L1, cháu T và cháu T1 đã trưởng thành, nên không yêu cầu tòa giải quyết. Còn cháu T2 và cháu M hiện nay các cháu đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên khi ly hôn chị xin được nuôi 02 con chung là cháu T2 và cháu M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Lê Hữu L không có lời khai trong hồ sơ nhưng tại phiên tòa anh L trình bày:**

Anh công nhận lời trình bày của chị N về việc kết hôn, anh chị đã kết hôn năm 1993 và có 05 con chung như chị N trình bày là đúng, nhưng anh không đồng ý với ý kiến của chị N cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng thực tế là không có, do chị N làm ăn thiếu nợ nhiều người nên đã bỏ đi theo người khác, anh chị đã ly thân khoảng 3 năm nay. Nay tại Tòa anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung có 05 con chung như chị N trình bày và đồng ý với yêu cầu của chị N, anh đồng ý giao cháu Lê Ngọc T2, sinh ngày 11/3/2006 và Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 19/8/2007 cho chị N nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

**Về đường lối giải quyết vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ N được ly hôn với anh Lê Hữu L.

Về con chung: Đối với các con chung tên là Lê Ngọc L1, sinh ngày 21/6/1993, Lê Ngọc T sinh ngày 19/7/1995, Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/11/2003, Đối với cháu L1, cháu T và cháu T1 đã trưởng thành, nên không xem xét. Giao con chung tên là Lê Ngọc T2, sinh ngày 11/3/2006 và Lê Thị Ngọc M, sinh ngày

19/8/2007, cho chị N nuôi dưỡng, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng dân sự:**

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Chị Trần Thị Mỹ N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị N.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ N và anh Lê Hữu L là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

**2.2.** Yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh L. Vì chị N cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, tại phiên tòa anh L cũng đồng ý ly hôn, nên cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

**2.3.** Về con chung: Đối với các con chung tên là Lê Ngọc L1, sinh ngày 21/6/1993, Lê Ngọc T sinh ngày 19/7/1995, Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/11/2003 đã trưởng thành, nên không xem xét.

Đối với cháu Lê Ngọc T2, sinh ngày 11/3/2006 và Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 19/8/2007 chị N xin được nuôi dưỡng, vì hiện tại hai cháu đang được chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và được anh L đồng ý, nên giao cho chị N được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

**2.4.** Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**2.5. Nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[3]. Về án phí sơ thẩm:** Buộc chị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

**[4].** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; khoản 1, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho chị Trần Thị Mỹ N được ly hôn với anh Lê Hữu L.

#### **2. Về con chung:**

- Giao cháu Lê Ngọc T2, sinh ngày 11/3/2006 và Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 19/8/2007 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Lê Hữu L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**4. Nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**5. Về án phí:** Chị Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004988 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị N đã nộp đủ.

**6.** Anh Lê Hữu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng chị Trần Thị Mỹ N vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Phú Lý;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Trung Chiến**